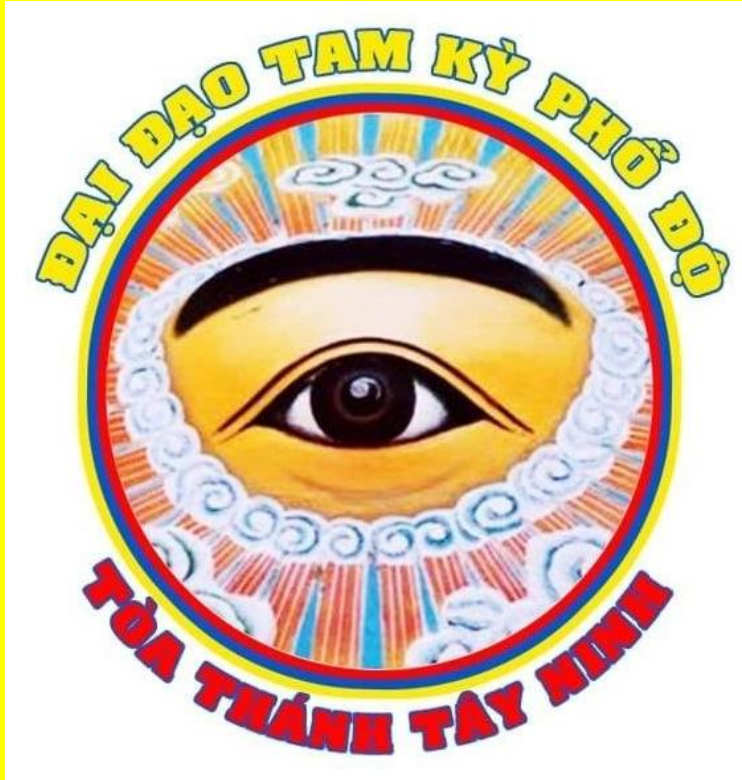


**ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ**

Tòa Thánh-Tây Ninh



**HÌNH ẢNH TAM TRẦN ĐẠI ĐẠO**

*Khai Tâm Quách Minh Chương*

Tài liệu lưu hành nội bộ (2022)

*Khai Tâm Quách Minh Chương*



**Tòa Thánh Tây Ninh**

---

*Khai Tâm Quách Minh Chương*



## HÌNH ĐỨC TAM TRẦN ĐẠI ĐẠO

---

## HÌNH ẢNH TAM TRẦN ĐẠI ĐẠO

### 1. Định nghĩa và ý nghĩa

Tam Trần là một phẩm vị có trong nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, giữ trách nhiệm quan trọng trong cơ lập pháp và duy trì nền đạo trong cơ vô vi của Đức Chí Tôn. Danh từ đầy đủ gọi là **Tam Trần Oai Nghiêm**. Tam Trần chỉ ba Đấng Thiêng Liêng thay mặt cho ba Đấng Giáo Chủ Tam Giáo, cầm quyền trấn giữ nền đạo cho an ổn, đứng tôn chỉ của Đức Chí Tôn.

Tam Trần gồm có Nhứt Trần Oai Nghiêm Đức Lý Đại Tiên Trưởng, kim Giáo Tông Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ thay mặt cho Tiên Giáo; Nhị Trần Oai Nghiêm Quan Âm Bồ Tát, đại diện cho Phật Giáo; Tam Trần Đức Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân, thay mặt cho Thánh Giáo.

“*Nam mô **Tam Trần** hư vô,  
Oai nghiêm độ rỗi Cao Đồ quy nguyên”*  
[*Kinh Tân Độ*]

Ba Đấng này có sứ mạng quan trọng trong cửa đạo vì trách nhiệm che chở, bảo vệ và nâng đỡ mọi phương diện trong sự hình thành và phát triển của cơ đạo. Nói một cách khác, ba Đấng ấy đại diện hay thay mặt cho ba Đấng Giáo Chủ là Đức Thích Ca, Đức Lão Tử, Đức Khổng Tử trong nhiệm vụ mới của thời tam kỳ.

---

Con người nhờ có tam thể xác thân mà sống, vận chuyển, nương nhờ cùng nhau để tấn triển, đến khi ba thể hườn nguyên, đặc nhất, tức là đặc cơ màu nhiệm, hay đặc đạo. Để đi trên con đường đó, Trời cho Tam Giáo xiển dương nơi mặt thể để nhơn sanh tầm phương, nương cửa đạo mới có thể giục tấn đến thanh cảnh giải thoát.

Tam Giáo gồm Phật Giáo, Tiên Giáo và Thánh Giáo. Gắn nhất của lịch sử tôn giáo loài người là Đức Thích Ca, Đức Lão Tử, Đức Khổng Tử và Đức Chúa Jesus, đã truyền thừa cho nhơn loại ba kiểu vở khác nhau cho chúng ta tùy phương nương dựa.

Theo minh giảng của triết lý Cao Đài, tôn giáo cổ đã không còn khả năng dìu độ sanh chúng đến bên bờ giải thoát, Đức Chí Tôn mới dùng huyền diệu tiên bút, giáng cơ lập mới đạo, quy nhất các hệ tín ngưỡng về một mối. Và tất nhiên, cổ giáo không hề phai dấu chơn truyền và lịch sử hãn còn đó, phương pháp của Đức Chí Tôn mong muốn là độ rồi, tránh sự phân biệt giáo pháp bằng phạm nhãn mà ra sự tranh đấu trên lý thuyết, triết lý giải thoát chúng sanh không ngoài cổ luật, duy chỉ canh tân với một cách thức làm cho con người hưởng những đặc ân rộng rãi hơn.

Về sự hiện diện của Tam Trấn với những thiên trách trong mình thì, hình tượng đó có tác động rất lớn trong mỗi đạo của Đức Chí Tôn. Với ý thức của nhơn

---

loại, ý nghĩa hẳn còn có giá trị khác bởi lẽ hình ảnh của Tam Trấn sẽ minh định lại cách thi hành phận sự tu học của mỗi người đệ tử Cao Đài trong chơn pháp của Đức Chí Tôn đặt tại thế này.

Đức Hộ Pháp có giảng về nghĩa lý Tam Trấn cho chúng ta đặng thấu đáo nghĩa lý, hầu có thể nhận thức chơn thật, cái ý vị của kiếp sanh Cao Đài để đem mình vào vị trí cần thiết nhất có thể. Đức Ngài nói rằng Tam Trấn tượng trưng cho **Tinh, Khí, Thần**. Ngoài ra, tất cả đều vô vị.

Thân làm người, chúng ta có máu mủ ruột rà, thân bằng quyến thuộc, có bạn đồng sanh, có ơn với tổ quốc, giống nòi, nợ ngọn rau tác đất. Đó là trách nhiệm của ta giữa xã hội nhơn quần. Và tức nhiên Khổng Giáo là một nền tôn giáo với chủ thuyết hướng về **Nhân**, làm cho ra người quân tử, thực hành đạo thánh hiền, để cho vẹn tròn, đáng giá nơi mặt thế. Đức Quan Thánh tượng trưng cho Đạo Nho, mà Cao Đài lại là nền Nho Tông chuyên thế, thì trách vụ và ý nghĩa thâm thúy thế nào đối với giáo pháp của Đức Chí Tôn.

Đức Quan Thánh đã lập thân, lập chí chỉ dựa vào quyển Xuân Thu của Đức Khổng Tử. Vả chẳng nếu toàn thể con cái Đức Chí Tôn theo tấm gương Ngài, noi theo Xuân Thu học, hành, thi thố, phụng sự cho toàn thể xã hội theo chí của Đức Quan Thánh thì

---

nền đạo Cao Đài sẽ thế nào. Chúc ta tin chắc hơn loại sẽ hưởng đầy đủ hạnh phúc, thế giới an bình, hát khúc âu ca, lạc nghiệp, hưởng hồng ân của Đức Chí Tôn ban cho. Đó là hình ảnh của Tam Trấn Đức Quan Thánh Đế Quân mà Đức Hộ Pháp gọi đó tượng trưng cho **Tinh**.

Còn Nhứt Trấn Oai Nghiêm tượng cho Tiên Giáo. Tiên Giáo có ảnh hưởng to lớn về giá trị chữ **Đạo** đối với loài người. Nhờ đạo mà con người đặng sống, đặng tấn bộ tâm linh không cùng, nhưng chúng ta chẳng thể nắm bắt và hiểu hình trạng của đạo càn khôn ra sao. Tiên Giáo đã vạch ra cho ta một bí mật sơ đẳng.

Quyển Đạo Đức Kinh của Đức Lão Tử đã truyền giảng một sự minh triết, mô tả hình trạng cái sống đơn sơ nhất và cái vĩ mô nhất, cũng nằm trong chữ đạo của Ngài. Đạo của Đức Ngài biểu tả cái sống đương nhiên và cái bí ẩn của sự sống mâu nhiệm thiêng liêng vô hình mà đạo Cao Đài gọi là con đường thiêng liêng hằng sống. Chính cái sống ấy là cái đạo và cái đạo do Đức Thượng Đế ban cho mỗi chúng tử để đạt được lẽ diệu huyền của cơ tạo đon càn khôn vũ trụ.

Nhờ Đạo và Đức của học thuyết Tiên Giáo, giúp con người ngộ ra lý sống đơn sơ của chính mình, thấy cái sống vạn vật, thấy lẽ tự nhiên, thăng-đọa,

---

nhục-vinh và muốn sống với một phần tử của tạo đoan, chúng ta phải bảo trọng cùng nhau sự sống của vạn linh. Ngoài ra, điều tối trọng hơn, chúng ta phải hướng về nguồn cội, kính thờ cái sống vi chủ cao cả nhất, ấy là đạo-một mực thước siêu việt. Không khác hơn, chúng ta phải lấy cả tinh thần, trí não để duy trì cái sống theo mực khuôn linh; Đức Hộ Pháp cho rằng hình ảnh của Đức Nhứt Trán tượng trưng cho **Khí** của ta vậy.

Đức Nhị Trán Thường Cư Nam Hải Quan Âm Như Lai lại tượng trưng cho **Thần** của chúng ta. Đáng đó đã lưu hành khắp nơi với một sứ mạng thiêng liêng cao trọng, độ khắp quảng linh, hầu giải quả tiền khiên, oan nghiệt tội tình cho chúng sanh đoạt thủ địa vị thiêng liêng.

*“Tại thời kỳ thay đổi, chuyển Tam giáo qui nguyên phục nhứt, cho hiệp với Thiên thơ. Đức Chí Tôn chọn ba vị Phật, Tiên, Thánh cầm quyền Tam Trán, thay mặt Tam giáo, giảng cơ lập thành đạo đức.*

*Bởi Hạ nguon cận mãn, nhơn vật đổi dời, đạo đức nhơn nghĩa, lý cang thường đều bị lượn sóng văn minh vật chất làm hư hoại. Tam giáo đã thất chơn truyền do nơi tay phàm canh cải, thành ra dị đoan bất chánh, nên Đức Chí Tôn khai Đại Đạo là cơ quan chuyển thế, phục lại Thượng nguon, cho thuận lẽ tuần hoàn qui cố” [Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo tại Đền Thánh đêm 28-6-Mậu Dần-1938].*



---

Chúng ta thấy rằng, hình ảnh của Tam Trấn Đại Đạo đã biểu thị cho ba sự sống của thân thể con người, còn lại tượng ảnh cho Tam Giáo để nêu đường đạo đức cho con cái Đức Chí Tôn học hỏi. Bởi hình ảnh ba Đấng ấy có đức hạnh hoàn toàn, rọi gương rạng cho vạn chúng noi theo tánh cách phi thường cho sanh linh nương cậy.

Các thời kỳ phổ độ trước đây đã qua đi, nay đến thời Tam Kỳ Phổ Độ. Tam Giáo đã đi đến ngưỡng cửa quy phạm, khó mong độ siêu sanh chúng đi trên con đường tu hành, giải thoát. Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế phải mở Tam Kỳ với cơ quan tận độ con cái của Người trên đường lập vị, ngỏ hầu thoát cảnh tục mơ màng này. Trong đó, Đức Chí Tôn chọn ba Đấng Tam Trấn Đại Đạo để thay mặt Tam Giáo đổi giáo pháp cũ thành giáo pháp mới, nên Cao Đài sẽ có một nét đặc thù trên bình diện pháp luật tu hành.

Mặt khác, hình ảnh ba Đấng ấy còn biểu trưng chân dung kỳ mỹ, chúng sanh có thể noi gương ấy mà tu học, nối tâm chí, trau thân, sửa mình, kiến tạo một đời sống xã hội thành thuần phong mỹ tục, tức là đời Thánh Đức. Do đó, ba Đấng cầm quyền vô vi, thể theo Thánh ý Đức Chí Tôn lập pháp trên công cuộc chấn hưng Tam Giáo.

Hình ảnh Cao Đài thị hiện toàn **thể tính chất đại đồng tôn giáo**, nên Nho hay Thánh Giáo, Đạo hay Tiên Giáo và Thích hay Phật Giáo quy nguyên thành một mối. Tam Trấn sẽ chấp chương cơ quan mẫu

---

nhiệm của Đức Chí Tôn cho hiệp với Thánh Ý thiêng liêng, điều hành giáo pháp, cũng như lập luật. Vì vậy, là người môn đệ Cao Đài, chúng ta phải hết sức thờ kính ba Đấng ấy. Ngoài ra, việc thờ phụng Tam Trấn cũng như phụng ngưỡng ba tánh đức căn bản là **Bi**, **Trí**, **Dũng** của người tu hành. Đức Quan Âm tượng cho lòng bác ái, tức là “bi”, Đức Lý tượng trưng cho “trí”, Đức Quan Thánh tượng trưng cho “dũng”.

Nếu người có trí thì phải thực hành chủ nghĩa thương yêu như tôn chỉ Đại Đạo. Nếu có bi thì phải dụng trí mới vẹn toàn. Nếu có bi, có trí mà chưa có dũng thì cũng chưa hẳn có thể đi trọn con đường thánh thức, có thể gỡ lối gai chông, vệt mây mù đi cùng tận. Do đó, ba tánh đức ấy sẽ là ba nhân tố để người môn đệ Cao Đài tô bồi hạnh đức để tiếp bước trên con đường tân pháp Đại Đạo cho đến hồi công viên, quả mãn. Hoặc chí ít, cũng giải quả tiền khiên, đem mình ra khỏi chốn lao tù trần gian, dần dần thoát chốn mê, về bến giác.

**Đức Lý Đại Tiên** tức nhiên tượng thể **Khí** hay **trí** của chúng ta đã từng giáng trần tại Trung Hoa, làm quan, không thích công danh, lợi, lộc, duy chỉ lấy tinh thần giáo hóa, lấy thú tiêu dao, lấy mùi vui cờ rượu, thi ngâm làm phương châm sống với đời, ưa tìm chốn thanh bần, non cao, động hạc. Nay, trong trách vụ mới, Đức Ngài nắm quyền Nhứt Trấn Oai Nghiêm Đại Đạo, thay quyền Tiên Giáo, kiêm Giáo Tông Đại Đạo. Hơn nữa, Đức Chí Tôn giao quyền cho Đức Ngài cầm cân

---

công lý, bảo vệ nền đạo, lập luật pháp, nghị định chọn truyền Đại Đạo, công thưởng, tội trừng để cho nền đạo trường tồn thất ức niên.

**Đức Quan Âm Bồ Tát** tượng trưng cho **Thần** hay thể **bi**, tức là lòng bác ái, thương yêu vô tận của sanh chúng. Vì có kiếp giáng trần, với lòng mộ đạo, trải qua những truân chuyên khổ não, nghị lực phi thường, trung trinh tiết liệt tu đoạt quả vị Nữ Phật. Đức Ngài giữ trách nhiệm Nhị Trấn thay mặt Thích Đạo để rọi gương bác ái, đặc biệt để độ dẫn đoàn nữ phái hơn hết.

Đức Quan Thánh Đế Quân tượng trưng cho **Tinh**, hay **dũng** của chúng ta. Thời Tam Quốc phân tranh, giáng hạ, trung nghĩa vẹn toàn, theo vua giúp nước, khử tà, tôn chánh đến quả vị Thánh. Sau tu tiếp cho đến Phật vị, với hiệu là Phật Đà Lam. Với trách nhiệm Tam Trấn, Đức Ngài có sứ mạng thay mặt Thánh Giáo, xiển dương nhưn nghĩa, triết lý nhân sinh, lại còn mang trách vụ diệt trừ những kẻ phạm tâm phản loạn chọn truyền, mưu lòng dối trá, nghịch giáo pháp để cho nền đạo đường trường cửu an nhiên. Thời kỳ nhưn loại bị băng hoại đạo đức, hình ảnh Đức Ngài sẽ tôn vinh đức trung nghĩa cho người môn đệ nam phái hơn hết.

## 2. Sơ nét về lịch sử

### ✧ *Đức Quan Thánh Đế Quân - Tam Trấn*

---

Như chúng ta biết, thời Tam Quốc phân chia, xã hội rối ren, đạo đức suy đồi, chiến tranh loạn lạc. Đức Khổng Tử đã giáng trần lập nền Nho Giáo. Đạo của Đức Khổng Tử hướng về đạo làm người, từ sơ đẳng nhất đến cực diện vĩ đại, cứ từng nét một mà thành tựu. Do đó, Đức Khổng Tử đã đề ra phương pháp tu thân như sau: **cách vật, trí tri, thành ý, chính tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ.**

Đạo Khổng vốn là đạo nhập thế, nhân đạo, có hệ thống đạo đức, triết lý nhân sinh quan, vũ trụ quan để xây dựng nền móng xã hội hài hòa, con người chỉ biết dụng lễ phải, chân thật; nên quốc gia có thể đạt đến thịnh vượng, thái bình. Trong định hướng đó, Đức Ngài đã san định tư tưởng cổ Nho viết thành sách, gọi là Lục Kinh: Kinh Thư, Kinh Lễ, Kinh Nhạc, Kinh Xuân Thu, Kinh Thi, Kinh Dịch. Tư tưởng và triết học của Đức Ngài được người đời xiển dương, mộ học và tức nhiên Đức Ngài trở thành “Vạn thế sư biểu”, tức là người thầy của muôn đời và trở thành bậc Giáo Chủ Thánh Giáo.

Đức Quan Thánh Đế Quân là một vị tướng lĩnh chinh chiến khắp nơi, nhưng lại sùng ngưỡng học thuyết nhơn nghĩa của Đức Khổng Tử. Đức Quan Thánh chỉ luôn ôm quyển Xuân Thu, thực hành đời sống quân tử đến đổi vạn chúng tôn sùng đức tánh của Ngài qua hai câu thi tán tụng:

*“Chỉ tại Xuân Thu, công tại Hón,  
Trung đồng nhựt nguyệt, nghĩa đồng Thiên”.*

---

Vì đeo đuổi theo triết lý nhơn nghĩa ấy mà Ngài học, hành cho kỳ được phận làm người giữa thế tình. Ý chí đặt đặng mẫu mực, khuôn khổ do nơi Khổng Giáo dạy và trung nghĩa ví như trăng, đồng với Trời. Và chẳng, đời sống của Đức Quan Thánh phi thường chẳng?

Đức Ngài có sức ảnh hưởng khắp Đông Nam Á, và được tôn sùng như một vị tướng lĩnh trung thành, can nghĩa, khí khái phi phạm. Chắc rằng lịch sử của một vị tướng với quyền Xuân Thu bên mình, cùng với những chiến công, đạo đức, trung nghĩa, cũng như hành trình đạt đến quả vị Phật là một “hiện tượng” không mấy ai làm được như Đức Ngài.

Giữa thời kỳ Tam Quốc tranh hùng, sự loạn lạc nổi lên khắp nơi, xuất hiện một vị tướng có tên là Quan Vũ, tự là Trường Sinh, sinh năm 160-162 Hà Đông, Sơn Tây, Trung Hoa. Ngài được xem là một trong năm vị tướng giỏi, tài năng, gọi là Ngũ Hổ: Trương Phi, Mã Siêu, Triệu Vân, Hoàng Trung mà Ngài là người điển hình nhất trong việc hình thành triều Thục Hán với Lưu Bị.

Theo sử sách, Đức Ngài được đánh giá là sức địch vạn người, như hổ thần, phong độ như quốc sĩ. Tánh cánh của Ngài thêm tô điểm thêm hình ảnh của một tướng sĩ dũng mãnh khi Ngài luôn luôn can đảm, hào hiệp, trượng nghĩa, tôn sùng lễ giáo, trọng nhân nghĩa, trọng chữ tín, trung thành tuyệt đối, dấn dõ Tào Tháo cũng phải phục dẫu có lúc Ngài nóng tính,

---

đôi khi có lòng kiêu căng. Ấy là nhược điểm bên nét đẹp của dũng tướng.

Đức Ngài được xem là một biểu tượng đức tính chẳng khuất phục oai vũ, giàu sang không dâm loại, danh lợi chẳng hề đổi lòng, nghèo hèn chẳng nhục chí. Túc nhiên, hình ảnh của Đức Ngài luôn cho ta thấy trượng nghĩa, trung thành, tin lòng chẳng dòi dôi, hào hiệp, phóng khoáng, giúp đỡ tầng lớp khổ bị áp bức.

Đức Ngài quy vị vào năm 220 tại Lâm Tụ, Kinh Châu, Hồ Bắc, Trung Quốc. Kể từ ngày mất, Đức Ngài được tôn vinh trong nhiều tác phẩm nghệ thuật nổi tiếng của Trung Hoa. Đức Ngài được tôn thờ tại Võ Miếu và được các hoàng đế sau này phong tước là Quan Thánh Đế Quân. Túc nhiên, Đức Ngài được đưa vào thờ tại Đế Vương Miếu.

Đức Quan Thánh Đế Quân có nhiều danh hiệu khác nhau được tôn tặng như Văn Hành Đế Quân, Đế Quân Gia, Quan Đế Gia, Tam Giới Phục Ma Đại Đế, Vũ Thánh Đế Quân, Hiệp Thiên Đại Đế, Cái Thiên Cổ Phật, Hộ Pháp Già Lam, Đà Lam Cổ Phật.

Sở dĩ có hiệu là Hộ Pháp Già Lam vì khi quy vị, Đức Ngài hiển Thánh vị, được nhà sư Phổ Tịnh khai thị, Đức Ngài tu tiếp đi đến ngôi Phật vị. Đó là nét đặc sắc nhất và điểm quan trọng nhất của một vị tướng chinh chiến, tay cầm binh đao, tay khác cầm quyển Xuân Thu và thuần hành nếp sống nhân nghĩa, trung can đến quả vị thiêng liêng. Hình ảnh của Đức

---

Quan Thánh Đế Quân đã tỏa ra nét sâu rộng ở rất nhiều mặt, từ thương nhân, y học, binh học, văn sĩ, đời thường, lãnh đạo...đều được tôn thờ.

Thuờ sinh tiền, Đức Ngài giỏi việc tính toán sổ sách thu chi. Nên người thương nhân vẫn xem ấy như một biểu tượng trọng yếu trong kinh doanh. Ngoài ra, chữ tín của Đức Ngài hết sức “nghiêm”, lại biểu thị cho việc buôn bán, kinh doanh vì rất cần chữ tín ấy. Dân gian còn xem Ngài là một vị hàng ma, phục quý nên tôn thờ nơi nhà đề trấn giữ gia đạo, giữ bình yên.

Hình tượng râu dài, tay cầm binh khí biểu thị cho sự uy mãnh trong chiến đấu, nên Ngài được xem như vị thần chiến. Do đó, người học võ thuật lại thường thờ Đức Ngài để neo theo chí cứu khổ, phò nguy của Đức Ngài. Giới văn sĩ cũng thờ Ngài vì tin Ngài là biểu tượng của minh mẫn, sáng suốt, mong muốn con cháu học thành tài, đỗ đạt, rạng danh, trí tuệ.

Khía cạnh phong thủy, người ta lấy hình ảnh Đức Ngài cưỡi ngựa, tay cầm khí binh có sức mạnh chống trấn trạch và trừ tà, hóa giải hung khí, sát khí, đánh ta sự phá hại của tà ma. Đối với tâm linh người Việt, Đức Ngài còn được tôn thờ tại chánh giữa nhà trong nhánh của Phật Giáo Bửu Sơn Kỳ Hương.

Tóm lại, Đức Quan Thánh Đế Quân tôn vinh một Đấng mà xuất thân từ chinh chiến, nhưng ý chí trung kiên, nghĩa khí bất khuất của người quân tử đã được Quyền Vạn Linh công cử đến Thánh Vị. Sau lại

---

tu cho đến quả vị Phật. Đó là hình ảnh đời thường nhất. Từ đó, cho chúng ta thấy rằng, ai cũng có thể sống như Đức Ngài và trở đắc quả vị nếu như nương theo hình ảnh Đức Ngài mà sống.

✧ ***Đức Lý-Nhứt Trân***

Đức Lý vốn tự là Thái Bạch, hiệu là Thanh Liên Cư Sĩ, một trong những nhà thơ nổi tiếng của Trung Hoa cùng thời với nhà thơ Đỗ Phủ. Sự xuất hiện của Đức Lý đã gây cơn sốt về thơ Đường và làm cho phong trào thơ Đường trở nên hưng thịnh hơn hết. Tầm ảnh hưởng thi ca của ngày chẵn những ảnh hưởng Trung Hoa không mà thôi, còn khắp khu vực Đông Nam Á.

Cả cuộc đời Ngài, được thiên hạ tán dương là thiên tài về thơ ca. Thuở còn nhỏ, nhưng Ngài sống xa nhà để lập công danh sự nghiệp, hầu có thể góp phần cho xã hội, quốc gia. Tuy còn nhỏ, nhưng tài làm thơ của Ngài đã làm chấn động và lập nên danh. Người ta tôn vinh Ngài là Tử Tiên, Trích Tiên Nhân hay Thiên Thượng Trích Tiên. Tác phẩm để lại gồm cả ngàn bài thi. Vì sự tài tình, thơ Ngài được xem là Thi Tiên hay Thi Hiệp.

Tác phẩm được hậu nhân gom lại thành bộ Hà Nhạc Anh Linh Tập đồ sộ. Một số bản dịch của Ngài cũng được phổ biến ở Tây Phương. Hình ảnh của Ngài để lại về khả năng ứng biến thi với thú tao nhã rượy ngâm, còn trọng ý của tác phẩm lại chủ xướng



---

về quan hệ bè bạn, sự thần bí thiên nhiên, lột tả cái tâm hư vô, tinh mịch mang tính cách đặc trưng riêng. Cái mắt của Ngài cũng đưa vào truyền thuyết rằng vì quá yêu thơ, Ngài đã chết đuối vì bắt bóng phản chiếu của mặt trăng.

Tương truyền rằng, mẹ Ngài sắp sinh ra thì nằm mộng thấy sao Trường Canh hay Thái Bạch, nên đặt con mình là Bạch. Khi sanh ra và lớn lên, được mẹ dạy chữ Tây Vực, cha dạy Kinh Thi, Kinh Thư và khi đặng 10 tuổi thì thành thạo làm thi. Vốn sanh ra trong gia đình đầy đủ, Ngài được thanh thoi, có thời gian tiêu dao khắp nơi. Sự học hành của Ngài cũng chỉ để “thi văn đầy túi” mà thôi. Nên gia đình chuyển về vùng Tứ Xuyên, nơi đây Ngài học thêm kiếm thuật. Do đó, ở 10 tuổi nhưng kiếm thuật và tài làm thơ của Ngài đã bộc lộ tư chất đỉnh đạt.

Đến độ 16 tuổi, Ngài làm ẩn sĩ trên núi khoảng 2 năm. Sau, Ngài hạ sơn, chu du khắp nơi, tìm các thắng cảnh đẹp hữu tình với bầu rượu và thanh kiếm bên mình. Sau thời gian kết duyên khoảng năm 30 tuổi, tài nghệ thi vang dội khắp nơi. Ngài được mời làm quan, nhưng không nhận. Ngài dất vợ lại chu du khắp nơi cùng những bạn thân là ẩn sĩ. Đi đến đâu, tên tuổi Ngài được khắc ghi nơi ấy.

Tiếp sau, Ngài được tiên cử đến gặp nhà vua Đường Minh Hoàng và được ân phong làm Hàn Lâm, chuyên giữ việc mật của nước. Ngài lại hợp với nhóm ưa thích thi tửu. Lối sống tự do của Ngài lại bị dèm

---

pha, Ngài liền bỏ đi. Vua buồn lòng nhưng chẳng thể cản, tặng Ngài nhiều vàng nhưng Ngài không nhận. Vua liền cho quyền ông uống rượu bất cứ nơi đâu đều miễn phí, ngân khố của quốc gia sẽ thanh toán các khoản ấy.

Trong khoảng mười năm sau đó, Ngài tiếp tục chu du khắp nơi, qua nhà Triệu, Tề, sang Ngụy, Tần, Lương rồi Tống với nhiều phong cảnh tuyệt đẹp cùng các bàn thi hàn, tha hồ ngâm nga thi rượu. Đến năm 758, do tuổi cao sức yếu, Ngài đã qua đời. Tuy nhiên, theo nhiều khảo cứu, có nhiều quan điểm đưa ra khác nhau. Người cho rằng Ngài lâm bệnh trên đường về, người cho Ngài tự vẫn, người thì xem như truyền thuyết theo bóng trăng. Dấu sao, hình tượng Đức Lý vẫn cho ta thấy một sự giáng thân Đức Thái Bạch Kim Tinh, tượng cho quyền năng cao trọng trong cửa Đại Đạo.

Nhà thơ Lý Bạch vốn sớm chịu ảnh hưởng của học thuyết Lão Trang, đạo giáo và tư tưởng du hiệp. Sự va chạm với hiện thực càng làm cho nhà thơ say mê những điều đó. Trong học thuyết Lão Trang cũng như Đạo giáo, có một ít nhân tố mà kẻ sĩ ngày xưa thường lợi dụng để tỏ sự bất mãn của mình: Chủ trương sống tự do và thuận theo thiên nhiên, sự coi thường công danh phú quý, coi thường luật pháp khắc khe. Và dĩ nhiên, thi đạo Cao Đài cũng ảnh hưởng đến thể Đường Luật.

---

Năm 1925, thời kỳ phôi thai của nền Đại Đạo, Đức Lý đã giảng cơ và cho bài thi như sau, cho thấy thân thể và tư tưởng của Đức Ngài:

*“Đường trào hạ thế hưởng tam quan,  
Chẳng vị công danh chỉ hưởng nhàn.  
Ly rượu trăm thi đòi vẫn nhắc,  
Tánh Tiên muôn kiếp vốn chưa tàn.  
Một bầu phong nguyệt say ngơ ngác,  
Đầy túi thơ văn để chứa chan.  
Bồng đảo còn mơ khi múa bút,  
Tả lòng thế sự vẽ giang san”*

Chúng ta cũng nhận thấy rằng, Thánh Thi Hiệp Tuyển của Hội Thánh Đại Đạo đã trích lược, tập hợp lại do các Đấng Thiêng Liêng giảng bút đều theo thể thơ Đường. Các Chức Sắc sau cũng nương theo lối ấy mà làm thi, dần dần thành lập nhóm xưng họa có tên là **Đạo Đức Văn Đàn** để kếp tập các bài thi trong đạo do Ngài Tiếp Đạo Cao Đức Trọng.

Khi Ngài Tiếp Đạo quy liễu, đến năm 1957, Ngài Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu, tự Thuần Đức phục hồi văn đàn ấy do Ngài làm trưởng ban, ông Huỳnh Văn Đến làm phó ban. Khi Ngài Bảo Pháp quy liễu, ông Văn Đến được tiến cử làm trưởng ban, ông Phạm Mộc Bồn làm phó ban, còn Ngài Hiến Pháp Trương Hữu Đức làm cố vấn. Điều kể trên để cho ta thấy “văn dĩ tải đạo” và tư tưởng của Đại Thi Hào Lý Bạch có sức ảnh hưởng đời và đạo giáo thế nào.

---

## ❖ *Đức Quan Âm Bồ Tát-Nhị Trân*

Theo Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp, Đức Quan Âm Bồ Tát là một Đấng trong gia tộc sang trọng, oai quyền. Nguyên căn xuất phát từ pháp thân của Đức Từ Hàng. Và Đức Ngài chính là dòng thời gian của luật tạo đoan càn khôn thế giới.

*“Chon linh của Người tức nhiên thể tánh của Người, chứng tỏ rằng: một Đấng đã có 52 kiếp ở trong trái địa cầu 68 này, và có đảm nhận trọng trách lớn lao hơn hết, là buổi trái địa cầu này nó chưa có thoát xác của nó, là nó đầu kiếp lụng lại cho tới đệ tứ chuyển ngày nay. Đức Quan Âm Bồ Tát đã cầm quyền điều khiển trong Càn Khôn Vũ Trụ này từ thử đến giờ đã 52 kiếp.*

*Ngài đã đầu thai thế gian này mấy kiếp, vì có tánh đức từ hòa và tinh thần đạo pháp mà thôi, tỷ như Bạch Vân Hòa Thượng, Bạch Vân là ai? Bạch Vân là Ngài, ngày nay Ngài ở trong cửa Đạo, trong một cơ quan trọng yếu của Tam Kỳ Phổ Độ này.*

*Bạch Vân Hòa Thượng kiếp trước là Đức Quan Âm Bồ Tát đầu kiếp ở bên nước Tàu trước, rồi mới đầu kiếp ở bên xứ Việt Nam, ta kêu là Thanh Sơn Đạo Sĩ tức nhiên là Trạng Trình đó vậy, Thanh Sơn Đạo sĩ đầu kiếp bên Pháp là Ralagode Bourgall, 52 kiếp có một kiếp trọng hệ có thâm tình với nòi giống Việt Nam ta hơn hết, chúng ta có hạnh phúc lắm, mới được Ngài đầu kiếp ở trong nước hai lần, lần thứ nhứt đầu*

---

*kiếp làm người đàn bà tức nhiên Thị Kính, chúng ta đã biết Quan Âm là ai rồi. Bởi vậy cho nên buổi Tam Kỳ Phổ Độ này Đức Chí Tôn đã chọn lựa một Đấng cao trọng cho đến mặt địa cầu 68 này, có lẽ chúng ta đều biết danh Ngài hết, nhưt là Ngài lựa chọn một Đấng có thâm tình với nòi giống chúng ta hơn hết, cái tánh đức từ hòa yêu ái của Ngài, chúng ta đừng kiếm Đức Quan Âm đâu xa hơn là Thị Kính” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q. 3, bài 05].*

Chiếu theo Thuyết Đạo, Đức Ngài đã đầu kiếp tại mặt thế này nhiều lần. Hạnh phúc hơn hết, có hai kiếp tại Việt Nam là Thị Kính và Trạng Trình. Chúng ta điểm lại một số dữ kiện tiểu sử tổng hợp để ôn lại gương Phật Vị, một Đấng oai quyền, nắm giữ Nhị Trấn Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ của Đức Chí Tôn.

Ngài Nguyễn Bình Khiêm sanh năm 1491 và mất năm 1585 với tên thật là Văn Đạt, hiệu là Bạch Vân Am Cư Sĩ. Hậu học tôn Ngài là Tuyết Giang Phu Tử vì Ngài có sức ảnh hưởng sâu rộng trong sử học thế kỷ 16. Trong khóa thi năm 1535, Ngài đầu trạng nguyên trong triều đại Mạc, rồi được phong là Trình Tuyên Hầu, thăng lên Trình Quốc Công.

Với tác phẩm nghệ thuật, Ngài để lại hàng ngàn bài thi ca dạng chữ Hán với Bạch Vân Am Thi Tập, chữ Nôm với Bạch Vân Am Quốc Ngữ Thi Tập, Sám Ký. Sám ký là thể thơ, nhưng mang đậm tính chất tiên tri mà thường được gọi là Sám Trạng Trình. Ngày nay, đâu đâu chúng ta cũng thấy các cụ xưa hay ngâm vịnh

---

những câu đi vào lòng người và ứng biến trùng so với những gì Ngài tiên tri. Tên tuổi của Ngài lưu danh sử sách, tượng được tạc nhiều nơi, tên đường cũng được đặt lấy tên Ngài.

Còn kiếp giáng làm Thị Kính, theo Phật giáo Tây Tạng người ta tin rằng vị Đạt Lai Lạt Ma người lãnh đạo tinh thần của họ là hiện thân của Bồ tát Quan Thế Âm. Hơn nữa câu thành chú “Um ma ni bát mê hồng” là do Bồ tát Quan Thế Âm ban tặng để phù hộ cho xứ sở của nước họ.

Đối với tích truyện Quan Âm Thị Kính, ở nước ta, Sự tích này được lưu truyền trong dân gian Việt Nam từ lâu qua nghệ thuật hát chèo, cải lương, kịch, truyện thơ và truyện văn xuôi. Vở chèo Quan Âm Thị Kính ra đời trước, sau đó mới tới truyện thơ rồi chuyển thể qua kịch ảnh. Theo từ điển Phật Học Việt Nam, Tích truyện Quán Âm Thị Kính xuất phát từ truyện thơ Việt Nam, kể về nỗi hàm oan giết chồng của Thị Kính. Về sau nàng cải trang thành nam giới xuất gia học đạo, song lại bị vu oan phá giới phạm trai nhưng nhờ vào công hạnh từ bi nhẫn nhục nên về sau nỗi oan ức được hoá giải, trở thành Bồ Tát Quan Thế âm.

Thông qua Câu chuyện Quan Âm Thị Kính người ta tôn vinh Thị Kính tức Kính Tâm đã thể hiện tâm lòng từ bi và đức tính nhẫn nhục. Rằng Thị Kính đã cảm nhận được lời Phật dạy rằng: *“Hận thù diệt hận thù đời nay không thể có. Từ bi diệt hận thù là*

---

*định luật nghìn thu*". Mặc dù bị tới hai nỗi oan ức rồi bị tra tấn đánh đập, nhưng Kính Tâm vẫn một lòng nhẫn chịu, không hề thanh minh một tiếng rằng tôi bị oan, rằng tôi là phận gái. Kính Tâm biết, nếu mình tiết lộ về thân phận thì chắc chắn hội đồng làng sẽ ngưng tra khảo và được giải oan ngay. Song, Kính Tâm đủ sức nhẫn chịu một cách bình thản không nổi niệm sân giận những nghịch cảnh, những cái mà người đời thường gọi là những điều bất công và những nỗi oan ức. Do đó trong truyện thơ Quan Âm Thị Kính mới có hai câu:

*“Chữ rằng: nhẫn nhục nhiệm hoà,  
Nhẫn điều khó nhẫn mới là chân tu”*

Hay ca dao Việt Nam có câu:

*“Xem trong cõi nước Nam ta  
Chùa Vân có đức Phật Bà Quan Âm”*

Như vậy, có thể nói rằng Quan Âm Thị Kính và Quan Thế Âm Bồ Tát đứng về mặt thân thế lịch sử ghi nhận là khác nhau. Song xét theo công hạnh tu hành thì Quan Âm Thị Kính là hoá thân của Bồ Tát Quan Âm. Bởi theo danh từ Phật học thì Bồ Tát hay còn gọi là “giác hữu tình” là người làm lợi ích cho tha nhân, cho xã hội, những người như thế đều được gọi là Bồ Tát.

---

Chiếu theo hai kiếp giáng trần tại Việt Nam, Trạng Trình đã để lại trình độ học vấn uyên bác, thâm hiểu nhân sinh, vạn vật càn khôn nên viết ra nhiều Sấm báo trước. Còn kiếp Thị Kính lại cho ta một gương hạnh kham nhẫn, hạnh Bồ Tát Đạo, xứng đáng tượng trưng cho Từ Bi của Phật Đạo. Nên, Đức Ngài đã giữ vai trò Nhị Trấn Oai Nghiêm Đại Đạo.

### **3. Sơ luận**

Tam Trấn Oai Nghiêm trong chơn pháp của Đức Chí Tôn không phải là hình ảnh để tưởng nhớ gương hạnh của các Đấng mà thôi, sự hiện diện cùng oai quyền trong cửa Đại Đạo luôn hiển hiện theo thời gian tác tạo nền đạo, cũng như bảo vệ chánh pháp đạo không bị thất kỳ truyền.

Ba Đấng đại diện cho Tam Giáo, nên biểu thị tánh cách khác nhau, có Bi, Trí, Dũng để khêu lên tinh thần tu học cho người môn đệ Cao Đài. Hành trình về với Đức Chí Tôn xoay qua, ngẫm lại, cũng bấy nhiêu mực thước để đo lường con đường tu của chúng ta. Có chăng, chúng ta có chịu học, hành đúng với luật pháp chơn truyền đã thị hiện trong nền Đại Ân Xá của Đức Chí Tôn mà thôi.

Đạo vẫn như nhiên mà thành. Công thì đặng hưởng, có tội thì trừng. Công bình thiên liêng vẫn chiếu theo luật pháp thiên nhiên an bày. Có nhiều người lại hiểu phạm trù theo cách phiến diện, cho rằng đại ân xá thì chẳng cần làm chi nhiều vì chúng ta



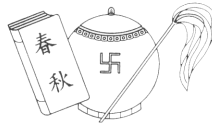
---

có cơ ân xá của Đức Thượng Đế. Ấy là một điều tai hại, sự hiểu sai lệch trong cố tình hay vô ý, nhưng đó là một nhận thức vô cùng không chính chắn. Người môn đệ Cao Đài tin vào giáo pháp cứu rỗi, tin vào quyền năng cứu rỗi, thì phải Tam Lập, lấy Tam Thể xác thân này phụng hiến lên hai Đấng Chí Linh mà nhập vào trường công quả, phổ độ. May ra, Tam Trấn Oai Nghiêm mới chiêu theo thiên thơ mà ban ân tứ.

\*\*\*\*\*

Tòa Thánh Tây Ninh, ngày 15-07-2022

### ***Khai Tâm Quách Minh Chương***



---

*Khai Tâm Quách Minh Chương*